

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R’LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS- ST
Ngày: 30 - 9 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R’LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Như Tạ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị O, sinh năm 1971 và ông Trần Văn B, sinh năm 1971 – *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1967 và bà Cao Thị K, sinh năm 1967 – *Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-4-2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chúng tôi và ông Hoàng Văn L, bà Cao Thị K không có quan hệ thân thích. Từ năm 2016 tôi và vợ là Huỳnh Thị O bắt đầu phát sinh quan hệ mua bán phân bón, nông sản với ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K, theo đó chúng tôi là người mua tiêu, cà phê từ ông L, bà K và bán phân bón cho ông L, bà K.

Thông thường hai bên không trả tiền ngay từng lần mà ghi sổ do tôi và vợ quản

lý; ông L, bà K ký tên. Chúng tôi có viết phiếu ghi cụ thể số lượng giao cho ông L, bà K.

Ngày 01-5-2018, tôi cùng vợ và bà Cao Thị K thống kê lại sổ sách, chốt công nợ. Theo đó, vợ chồng bà Cao Thị K còn nợ chúng tôi số tiền 434.500.000 đồng. Đây là nợ gốc, chưa tính lãi, số tiền này hai bên thống nhất chuyển thành tiền vay. Thỏa thuận hẹn trả cả gốc và lãi vào tháng 12 năm 2018. Lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng (trong giấy vay tiền không ghi tháng hay năm nhưng thực chất là 2%/tháng). Do quen biết, tin tưởng nên chúng tôi không yêu cầu ông Hoàng Văn L cùng ký tên vào giấy vay tiền. Giấy tờ sổ sách đã lâu không còn nên không cung cấp được cho Tòa án.

Đến hạn, tôi và vợ nhiều lần đến nhà nhưng ông L, bà K không trả được tiền, khát nợ với chúng tôi nhiều lần. Ông L, bà K có nói do giá nông sản thấp, nguồn thu không có, kinh tế khó khăn nên chưa trả được.

Từ tháng 01 năm 2019, chúng tôi chỉ gặp được bà K, không gặp được ông L nhưng có gọi điện thoại được. Đến tháng 5 năm 2020 chúng tôi không còn gặp được ông L, bà K nữa. Do ông L, bà K vi phạm trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của vợ chồng tôi nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà K phải trả cho chúng tôi số tiền nợ gốc là 434.500.000 đồng và lãi suất 10%/năm/nợ gốc từ ngày 01-5-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K trình bày:

Chúng tôi có 01 thửa đất rẫy diện tích 1,75ha tọa lạc tại xã Đ, huyện T từ khoảng năm 2013. Đất trồng tiêu, xen một ít cà phê. Do bà O, ông B kinh doanh phân bón và cho vay tiền nên gia đình chúng tôi mua phân bón, bán nông sản và thỉnh thoảng có vay tiền từ bà O, ông B. Việc mua phân bón, bán nông sản và vay tiền giữa hai bên bắt đầu phát sinh từ năm 2015 đến năm 2018.

Ban đầu chúng tôi trả tiền cho nhau đầy đủ. Tuy nhiên đến khi tiêu hạ giá, tiêu chết thì gia đình chúng tôi mất khả năng chi trả. Vì vậy chúng tôi còn nợ ông B, bà O số tiền 434.500.000 đồng. Đây là tổng cộng tiền mua phân bón, tiền vay và cả tiền lãi. Sau đó hai bên thống nhất chuyển thành tiền vay vào ngày 01-5-2018. Chúng tôi thừa nhận số tiền nợ là 434.500.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 01-5-2018 mặc dù tôi (Cao Thị K) không nhớ có ký hay không. Hai bên có thỏa thuận lãi suất tuy nhiên chúng tôi không nhớ rõ là bao nhiêu. Giấy tờ mua bán, vay mượn giữa hai bên chúng tôi không còn giữ nên không cung cấp được cho Tòa án.

Do mất khả năng thanh toán, lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Thửa đất rẫy đã bị Ngân hàng kê biên, phát mãi thu nợ. Nay chúng tôi không còn tài sản gì. Tôi (Cao Thị K) lại thường xuyên đau ốm. Vì vậy, chúng tôi không có khả năng trả nợ cho bà O, ông B, cũng không thể hẹn thời gian trả, phương thức trả. Sau này chúng tôi cố gắng làm ăn để trả tiền cho ông B, bà O.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, buộc ông L, bà K trả số tiền nợ gốc là 435.500.000 đồng và lãi suất

theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có trình bày.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị O và ông Trần Văn B, buộc ông Hoàng Văn L, bà Cao Thị K trả 434.500.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính từ ngày 01-5-2018 đến ngày 30-9-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị O và ông Trần Văn B yêu cầu ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K trả 434.500.000 đồng nợ gốc và lãi suất tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền nợ có nguồn gốc từ mua bán phân bón, vay tiền; được các đương sự thống nhất thỏa thuận chuyển thành tiền vay vào ngày 01-5-2018. Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Ông L, bà K là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L, bà K.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của của bà Huỳnh Thị O và ông Trần Văn B:

Về nợ gốc:

Ngày 01 tháng 5 năm 2018 bà Cao Thị K ký giấy vay tiền, với nội dung vay của bà Huỳnh Thị O số tiền 434.500.000 đồng, lãi suất 2% (không ghi năm hay tháng); hẹn trả cả gốc và lãi vào tháng 12 năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K thừa nhận số tiền nợ, nhưng do kinh tế gặp khó khăn, vườn tiêu chết, tài sản đã bị kê biên phát mãi để Ngân hàng thu hồi nợ nên không có khả năng trả tiền cho bà O, ông B. Mặc dù các đương sự thừa nhận tiền nợ phát sinh từ cả quan hệ mua bán phân bón và tiền vay. Tuy nhiên, ngày 01-5-2018 các bên đã thống nhất chuyển thành tiền vay nên đây là Hợp đồng vay tài sản theo quy

định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đã phát sinh hiệu lực.

Đền hạn theo thỏa thuận (tháng 12 năm 2018), ông L, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà O, ông B. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà O, ông B đối với số tiền nợ gốc là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất:

Giấy vay tiền ngày 01-5-2018 ghi lãi suất 2% nhưng không ghi rõ năm hay tháng; nguyên đơn trình bày do ghi thiếu, thực tế thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, bị đơn trình bày có thỏa thuận lãi suất nhưng không nhớ bao nhiêu %/tháng. Quá trình giải quyết vụ án ông B, bà O đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L, bà K trả lãi suất 10%/năm/nợ gốc; tại phiên tòa ông B, bà O đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông L, bà K trả lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định 10%/năm/nợ gốc tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể tiền lãi ông L, bà K phải trả:

$434.500.000đ \text{ ồng} \times 10\%/12 \times 03 \text{ năm} \times 04 \text{ tháng} \times 29 \text{ ngày} = 148.333.472 \text{ đồng.}$

Như vậy, ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K phải trả cho bà Huỳnh Thị O và ông Trần Văn B số tiền 582.833.472 đồng, trong đó nợ gốc là 434.500.000 đồng, lãi suất là 148.333.472 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà O, ông B được chấp nhận nên ông Hoàng Văn L, bà Cao Thị K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị O và ông Trần Văn B đối với ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K.

Buộc ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K phải trả cho bà Huỳnh Thị O và ông Trần Văn B 582.833.472đ (*Năm trăm tám mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng*), gồm 434.500.000đ (*Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm*

trăm nghìn đồng) nợ gốc và 148.333.472đ (Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Hoàng Văn L và bà Cao Thị K phải nộp 27.313.338đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị O và ông Trần Văn B được nhận lại 10.690.000đ (Mười triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004680 ngày 30-3-2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà